

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH



KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC
PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
GIAI ĐOẠN 2021 - 2030, TẦM NHÌN 2045
(ĐIỀU CHỈNH NĂM 2021)

Nghệ An, tháng 12 năm 2021

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH



KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC
PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
GIAI ĐOẠN 2021 - 2030, TẦM NHÌN 2045

*(THÔNG QUA HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH,
NGÀY 01 THÁNG 12 NĂM 2021)*

Ngệ An, tháng 12 năm 2021

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Phần I. Giới thiệu bối cảnh	1
Phần II. Sứ mạng, Tầm nhìn, Mục tiêu tổng quát, Giá trị cốt lõi	15
2.1. Sứ mạng	15
2.2. Tầm nhìn	16
Phần III. Mục tiêu và giải pháp phát triển các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường	17
3.1. Lĩnh vực Đào tạo	17
3.2. Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ	22
3.3. Lĩnh vực Tổ chức-Nhân sự	29
3.4. Lĩnh vực Bảo đảm chất lượng	31
3.5. Lĩnh vực Hợp tác quốc tế	34
3.6. Lĩnh vực Cơ sở vật chất	36
3.7. Lĩnh vực Kế hoạch-Tài chính	38
Phần IV. Tổ chức thực hiện và giám sát kết quả	40

Phần I

GIỚI THIỆU BỐI CẢNH

1.1. Thông tin chung về Trường

Tên Trường: Trường Đại học Vinh (Tên tiếng Anh: Vinh University)

Bộ chủ quản: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Địa chỉ: 182 Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: (84 238) 3 855452

Fax: (84 238) 3 855269

Website: vinhuni.edu.vn

E-mail: vinhuni@vinhuni.edu.vn

1.2. Bối cảnh Trường hiện nay

Xu thế toàn cầu hoá, hội nhập kinh tế quốc tế và sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng nền kinh tế tri thức đòi hỏi nguồn nhân lực chất lượng cao đảm bảo cho sự phát triển bền vững của đất nước. Nhiệm vụ chính của giáo dục và đào tạo là cung cấp nguồn nhân lực đó. Để thực hiện nhiệm vụ này, giáo dục và đào tạo nói chung, giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp (GDĐH - TCCN) của nước ta nói riêng, không những phải mở rộng quy mô mà còn phải không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo.

Thực hiện công cuộc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết 29-NQ/TW, đến nay ngành giáo dục đã từng bước tăng cường kỉ cương, nền nếp và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong các cơ sở giáo dục và đào tạo. Một số điểm nhấn nổi bật đã thực hiện như: đổi mới chương trình, sách giáo khoa; phân luồng, đổi mới thi, kiểm tra đánh giá; tự chủ đại học...

Nhà trường đã từng bước mở rộng theo hướng đa ngành, đa cấp, đa lĩnh vực, đáp ứng nhu cầu học tập, nâng cao trình độ của nhân dân trên địa bàn; chất lượng đào tạo các ngành sư phạm và nghiên cứu khoa học được xã hội ghi nhận. Cơ sở vật chất được quan tâm đầu tư, đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu của cán bộ, giảng viên và người học. Trường là trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học lớn của khu vực Bắc Trung Bộ.

Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An ủng hộ chủ trương xây dựng Trường Đại học Vinh thành đại học vùng với các khoa - viện - trường

trực thuộc; tiếp tục xây dựng Trường Đại học Vinh là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục của khu vực Bắc Trung Bộ; xây dựng tại Trường Đại học Vinh trung tâm đảm bảo chất lượng và trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục.

Hiện nay, Trường Đại học Vinh đang triển khai đề án tái cấu trúc nhà trường, sắp xếp lại các khoa và ngành nghề đào tạo trên cơ sở phân tích các tiềm năng, thế mạnh và thách thức. Năm 2021 đã thành lập Trường Sư phạm, Trường Kinh tế, Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn, Viện Nghiên cứu và Đào tạo trực tuyến thuộc Trường Đại học Vinh. Trường tập trung nâng cao chất lượng tất cả các mặt hoạt động, đẩy mạnh các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Nghệ An và khu vực Bắc Trung Bộ.

Nhà trường đã và đang tiến hành rà soát, quy hoạch lại các ngành và chuyên ngành đào tạo của Trường, làm cơ sở để phân tầng, xếp hạng và nâng cao hiệu quả đầu tư. Một số ngành và chương trình đào tạo chất lượng cao bắt đầu được triển khai.

Nhà trường phối hợp với các cơ sở đào tạo của địa phương trong vùng để bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho các tỉnh trong vùng và một số địa bàn trọng điểm trong cả nước. Nhà trường phối hợp tốt với tỉnh Nghệ An và các địa phương trong vùng triển khai các chương trình đào tạo gắn với thực tiễn phát triển của các địa phương; triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học theo nhu cầu, đơn đặt hàng của tỉnh và của doanh nghiệp. Nhà trường quan tâm gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo và nghiên cứu khoa học, trong đó nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và đào tạo phải gắn liền với nhiệm vụ nghiên cứu khoa học.

Trên cơ sở sắp xếp công tác tổ chức, nhân lực, Nhà trường đang triển khai thực hiện có hiệu quả, chất lượng công tác đào tạo, đào tạo lại giáo viên và bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục cho khu vực Bắc Trung Bộ.

Nhà trường đẩy mạnh thu hút các nguồn lực đầu tư ngoài ngân sách nhà nước, tranh thủ sự ủng hộ của tỉnh Nghệ An và các doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh để đầu tư xây dựng nhà trường, đáp ứng yêu cầu của một trường đại học trọng điểm quốc gia.

Bên cạnh những kết quả đạt được, Trường Đại học Vinh cũng còn một số tồn tại, hạn chế cần sớm khắc phục như: quy mô đào tạo còn dãn trải, chưa bám sát nhu

cầu của thị trường lao động; hoạt động nghiên cứu khoa học chưa thực sự nổi bật, chưa gắn kết chặt chẽ với hoạt động đào tạo, cũng như chưa góp phần giải quyết các vấn đề thực tiễn ở địa phương đặt ra; việc chủ động tham gia vào các hoạt động đổi mới giáo dục, nhất là giáo dục phổ thông còn hạn chế.

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Trường Đại học Vinh lần thứ XXXII nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã xác định tầm nhìn chiến lược và định hướng phát triển chung của Nhà trường là: "Phát triển Trường Đại học Vinh thành Đại học Vinh, là trụ cột của các cơ sở giáo dục đại học khu vực Bắc Trung Bộ, hướng tới xếp hạng top 500 đại học hàng đầu châu Á". Xây dựng Trường Đại học Vinh thành một cơ sở giáo dục đại học năng động, sáng tạo, chuyên nghiệp, tự do học thuật trên tinh thần dân chủ, tự chủ, bình đẳng, phấn đấu đến năm 2025, Nhà trường đủ điều kiện cơ bản để xếp hạng top 500 đại học hàng đầu châu Á.

Nhà trường đã triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là Luật Giáo dục Đại học số 08/2012/QH13, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học số 34/2018/QH14, Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; Nghị quyết số 88/2014/QH13 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; các nhiệm vụ của Chương trình phát triển các trường sư phạm để nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông (ETEP)... để phát triển Trường thành Đại học, góp phần giải quyết những vấn đề lớn trong đào tạo nguồn nhân lực theo nhu cầu xã hội, đáp ứng nhu cầu thể giới việc làm cho tất cả các khối ngành, đặc biệt là khối ngành đào tạo giáo viên; phát triển khối ngành đào tạo giáo viên của Nhà trường theo định hướng nghiên cứu.

1.3. Những điểm mạnh cơ bản

Nhà trường đã tuyên bố Sứ mạng chú trọng tới đào tạo chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của xã hội; có cơ cấu tổ chức phù hợp với quy định của Luật Giáo dục đại học. Cơ cấu tổ chức hiện tại của Trường gồm 3 trường thuộc, 4 viện, 4 khoa, 1 Trường THPT Chuyên, 1 Trường Thực hành sư phạm; có 24 phòng ban, trung tâm, trạm và 2 Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh và tỉnh Thanh Hóa.

Cơ cấu tổ chức của Trường thực hiện theo đúng Điều lệ trường đại học, phù hợp với đặc điểm, điều kiện kinh tế và văn bản pháp luật của Nhà nước quy định về tổ chức hoạt động của các cơ sở giáo dục đại học. Trường có văn bản quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc; có sự phân công trách nhiệm rõ ràng cho cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên; hệ thống văn bản quản lý các lĩnh vực khá đầy đủ. Trường đã hoàn thành Đề án vị trí việc làm. Tổ chức Đảng, các đoàn thể trong Trường hoạt động đồng bộ và hiệu quả, đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ nhằm hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi và tăng hiệu quả cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học. Hàng năm, Trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen là đơn vị xuất sắc của Ngành.

Các chương trình đào tạo cơ bản được xây dựng theo Quy định hiện hành; có tính liên thông giữa các trình độ đào tạo; các chương trình đào tạo sau đại học được rà soát, điều chỉnh định kỳ; các hình thức đào tạo khá đa dạng. Đối với bậc đào tạo đại học, Trường tổ chức đào tạo theo hệ thống tín chỉ từ năm học 2007 - 2008. Từ năm học 2017 - 2018, Trường áp dụng chương trình đào tạo theo tiếp cận CDIO; chương trình có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, có nội dung hiện đại và cập nhật, được thiết kế hợp lý, có tham khảo chương trình của các trường đại học trong và ngoài nước.

Trường đã xây dựng và công bố chuẩn đầu ra các ngành đào tạo trình độ đại học hệ chính quy từ năm 2010; triển khai tự đánh giá 17 chương trình đào tạo, có 04 chương trình đào tạo được đánh giá ngoài.

Để triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông mới, Trường đang tập trung xây dựng các mô hình đào tạo giáo viên nói riêng, đào tạo các nguồn nhân lực nói chung theo tiếp cận năng lực, đổi mới mạnh mẽ phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển hệ thống hỗ trợ dạy học E-learning, các hình thức dạy học trực tuyến nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo.

Công tác bồi dưỡng thường xuyên cũng được Nhà trường quan tâm đẩy mạnh với các chương trình bồi dưỡng phong phú, đa dạng. Đặc biệt, với sự hỗ trợ của Chương trình phát triển các trường sư phạm để nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông (ETEP), Nhà trường đã và đang đóng góp có hiệu quả công tác bồi dưỡng thường xuyên giáo viên các cấp học cho các tỉnh khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước.

Trường sử dụng phần mềm để tổ chức và quản lý quá trình đào tạo; thông tin về các hoạt động luôn được cập nhật trên website của Trường. Sinh viên có thể đăng ký học, đăng ký thi, xem kết quả học tập, kế hoạch giảng dạy, chương trình đào tạo, quy chế đào tạo và các thông tin khác trên website của Trường và tài khoản người học.

Phương pháp giảng dạy được đổi mới theo hướng phát huy năng lực tự học, tự nghiên cứu của người học. Phương châm đào tạo của Trường là chuyển quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo. Công tác thực tập, rèn nghề của sinh viên được tổ chức khoa học, bài bản. Trường đã khẳng định được thương hiệu và có uy tín trong lĩnh vực đào tạo giáo viên và một số ngành đào tạo khác.

Phương pháp và quy trình đánh giá kết quả học tập của sinh viên đa dạng, đảm bảo tính khách quan, khoa học, công khai và minh bạch. Sinh viên được chủ động chọn thời điểm thi phù hợp với kế hoạch học tập của cá nhân. Kết quả học tập được lưu trữ an toàn, chính xác. Văn bằng tốt nghiệp và chứng chỉ học tập được cấp đúng quy định. Trường có ngân hàng đề thi của tất cả các học phần đào tạo đại học và sau đại học. Quá trình đánh giá kết quả học tập được tiến hành độc lập với quá trình tổ chức giảng dạy.

Trường có đội ngũ giảng viên đạt chuẩn về trình độ, đáp ứng yêu cầu giảng dạy và nghiên cứu khoa học; có đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý có phẩm chất đạo đức và năng lực, giúp Nhà trường quản lý và tổ chức tốt các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học. Hiện nay, Nhà trường có đội ngũ cán bộ cơ bản đủ về số lượng, đạt chuẩn về chất lượng, đồng bộ về cơ cấu với 1.036 cán bộ, viên chức, trong đó có 50 giáo sư, phó giáo sư, 300 tiến sĩ, 495 thạc sĩ... Trường có 381 giảng viên hạng III; 135 giảng viên hạng II; 50 giảng viên hạng I. Trường có chính sách khuyến khích, hỗ trợ đội ngũ cán bộ, giảng viên trau dồi kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Công tác tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển cán bộ được lập kế hoạch, được đầu tư.

Người học được đảm bảo các chế độ chính sách xã hội, được hỗ trợ trong học tập và tìm kiếm việc làm.

Hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường tập trung trên 3 lĩnh vực: khoa học cơ bản, khoa học giáo dục và khoa học công nghệ, ứng dụng - triển khai. Nhà trường đã xây dựng Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2018 - 2020, tầm nhìn đến năm 2025; ban hành Quy định về quản lý các hoạt động khoa học và công

nghệ. Trong những năm gần đây, cán bộ, giảng viên của Trường đã chủ trì và tham gia triển khai nhiều dự án khoa học - công nghệ của Chính phủ, các đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu cấp Bộ, cấp Nhà nước. Trung bình hàng năm, Trường thực hiện 120 đề tài/dự án các cấp với tổng kinh phí gần 9,4 tỷ đồng, chiếm khoảng 4% tổng kinh phí hoạt động của Nhà trường; trong đó có 48,65% kinh phí thực hiện đề tài/dự án cấp nhà nước, cấp bộ từ nguồn ngân sách Trung ương, 14,04% kinh phí thực hiện đề tài/dự án cấp tỉnh từ nguồn ngân sách địa phương, 37,31% là đề tài cấp trường.

Nhà trường có quan hệ hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng cán bộ với hàng chục cơ sở giáo dục đại học, các tổ chức khoa học quốc tế từ Châu Âu, Châu Á, Châu Mỹ và Châu Úc. Nhà trường cũng đã chủ trì tổ chức nhiều hội thảo khoa học khu vực và quốc tế; tạo lập được các nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh với các nhà khoa học đầu ngành như: nhóm nghiên cứu Quang học - Quang phổ, nhóm nghiên cứu Xác suất và Thống kê, nhóm nghiên cứu Ngôn ngữ học... ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động đối với nhóm nghiên cứu của Trường Đại học Vinh. Nhà trường đã có chính sách mạnh về việc khen thưởng cho các tác giả có công bố quốc tế hàng năm. Trong 5 năm gần đây, Trường luôn nằm trong top 15 trường đại học có công bố quốc tế nhiều nhất ở Việt Nam. Năm 2020, các nhà khoa học Trường Đại học Vinh đã công bố 157 công trình nghiên cứu trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục Web of Science và Scopus, tăng hơn gấp đôi so với năm 2019; vượt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ trường lần thứ XXXII đề ra (đạt mốc 100 bài/năm vào năm 2022).

Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên được quan tâm đẩy mạnh. Từ năm học 2018 - 2019, Nhà trường đổi mới hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên. Số đề tài tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học sinh viên và đạt giải thưởng "Tài năng khoa học trẻ Việt Nam", giải thưởng "Sinh viên Nghiên cứu khoa học" cấp Bộ ngày càng tăng. Trong 5 năm qua, đã có hàng trăm đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên được thực hiện.

Hoạt động hợp tác quốc tế của Trường được đẩy mạnh. Trường đã ký kết các chương trình hợp tác song phương với nhiều trường đại học lớn trên thế giới như: Đại học Zielona Gora (Ba Lan), Đại học Hull (Anh), Đại học Postdam (Đức), Đại học South Florida, Đại học San Jose (Hoa Kỳ), Đại học Victoria (Australia), Đại học

Rajabhat Maha Sarakham, Trường Đại học Nakhon Phanom (Thái Lan), Đại học Pukyong (Hàn Quốc)... tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, giảng viên, sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh tham gia học tập, nghiên cứu khoa học.

Hoạt động hợp tác quốc tế cơ bản theo quy định, được khai thác khá hiệu quả, đã thu hút được nhiều sinh viên Lào, Thái Lan đến học tập, trao đổi.

Trường có hệ thống học liệu đầy đủ, đảm bảo việc tự học và mở rộng kiến thức của người học; có hệ thống phòng thí nghiệm, phòng thực hành đầy đủ đảm bảo việc thực hành các kỹ năng nghề nghiệp. Trường có đủ diện tích lớp học theo quy định, có ký túc xá cho người học, có đủ sân bãi cho các hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao, vui chơi, giải trí. Phòng học, giảng đường, hội trường, phòng thí nghiệm được thiết kế theo tiêu chuẩn thiết kế trường học và được trang bị các thiết bị nghe nhìn. Trường có Trung tâm thông tin - thư viện được xây dựng và phát triển theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, có cơ sở vật chất và trang thiết bị hiện đại, có nguồn thông tin, dữ liệu đa dạng, cơ bản đáp ứng nhu cầu phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học. Thư viện có kết nối với hệ thống thông tin thư viện trong nước và quốc tế.

Trường có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, bao gồm: Hệ thống hạ tầng mạng gồm trục kết nối 15 tòa nhà bằng 5 đường truyền với độ dài gần 10km đảm bảo tốc độ kết nối 1Gbps cho hơn 1.000 máy tính của Nhà trường. Hệ thống mạng wifi với hơn 250 điểm truy cập được lắp đặt trong khuôn viên Nhà trường, các phòng học, phòng thí nghiệm, sân chơi, bãi tập, ký túc xá... hiện đang phục vụ miễn phí cho cán bộ và sinh viên. Hệ thống camera được lắp đặt tại các vị trí, góp phần đảm bảo công tác an ninh, trật tự trong Nhà trường.

Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm với 50 phòng thí nghiệm được quy hoạch phù hợp với các ngành đào tạo theo tiếp cận CDIO, trang thiết bị hiện đại, được bổ sung thường xuyên. Ngoài ra, Trường còn có xưởng thực tập, thực hành hiện đại; phòng thực hành nhạc họa; vườn ươm, ao nuôi thực nghiệm đảm bảo phục vụ tốt công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên, sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh. Đặc biệt, Trường Đại học Vinh đã xây dựng được hệ thống các "phòng thí nghiệm phổ thông" khá hoàn chỉnh để phục vụ đào tạo sinh viên khối ngành đào tạo giáo viên.

Các hoạt động tài chính của Nhà trường hiện nay đang thực hiện theo Luật kế toán sửa đổi 2015; Nghị định số 25/2017/NĐ-CP; Thông tư số 107/2017/TT-BTC. Nhà trường thực hiện tốt việc công khai, minh bạch mọi hoạt động, góp phần thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Công tác điều hành ngân sách đảm bảo hiệu quả, đúng pháp luật. Hàng năm, Nhà trường sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ để phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo an toàn thu nhập cho cán bộ, trích lập các quỹ theo đúng quy định. Nhà trường đã tổ chức quản lý và khai thác các nguồn thu hiệu quả, quản lý công tác chi đúng quy định.

Nhà trường đã chú trọng công tác bảo đảm chất lượng giáo dục. Năm 2017, Nhà trường đã được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục. Từ năm 2018 đến nay đã có 8 chương trình đào tạo đại học chính quy được đánh giá ngoài và được công nhận đạt chuẩn chất lượng giáo dục theo Bộ tiêu chuẩn quốc gia (Quản trị kinh doanh, Ngôn ngữ Anh, Kỹ thuật xây dựng, GD tiểu học, GD mầm non, Kế toán, Luật kinh tế, Sư phạm Hoá học). Có 2 chương trình đào tạo đại học chính quy được đánh giá ngoài và đạt tiêu chuẩn kiểm định theo bộ tiêu chuẩn AUN-QA là Sư phạm Toán học và Công nghệ thông tin.

Trường Đại học Vinh đã đào tạo giáo viên trong hơn 60 năm và đào tạo các ngành khác gần 30 năm. Cựu sinh viên, học viên của trường đang công tác hầu khắp trên cả nước, giữ nhiều vai trò quan trọng trong các cơ quan Đảng, Chính phủ, ngành, các sở giáo dục và đào tạo, các trường phổ thông; đang tích cực hỗ trợ cho các hoạt động của Nhà trường.

1.4. Những tồn tại chủ yếu

Sứ mạng của Nhà trường chưa được giới thiệu sâu rộng cho các bên liên quan và chưa chuyển hóa đầy đủ vào trong các hoạt động của Nhà trường; chưa thường xuyên tổ chức thảo luận sâu rộng trong cán bộ, giảng viên và điều chỉnh mục tiêu giáo dục cho phù hợp với Luật Giáo dục và Luật Giáo dục đại học, với chủ trương đổi mới theo Nghị quyết 29-NQ/TW và với sứ mạng, định hướng phát triển của Nhà trường và theo tình hình thực tiễn.

Nhà trường chưa có các biện pháp giám sát, đánh giá đảm bảo thực hiện theo kế hoạch và có hiệu quả; hoạt động của hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong chưa hiệu quả như mong đợi.

Quy trình xây dựng chuẩn đầu ra, phát triển chương trình đào tạo và triển khai các bước theo quy định; tuy nhiên chuẩn đầu ra cho các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ và đại học hệ giáo dục thường xuyên chưa được ban hành đầy đủ và giới thiệu cho các bên liên quan. Việc xây dựng, phát triển các chương trình đào tạo chưa tham khảo các chương trình đào tạo tiên tiến, lấy ý kiến đầy đủ của người học sau khi tốt nghiệp, các tổ chức, đơn vị sử dụng lao động. Việc xây dựng lộ trình triển khai các hoạt động tự đánh giá, đánh giá chất lượng đồng cấp và đăng ký kiểm định chất lượng các chương trình đào tạo theo các bộ tiêu chuẩn khu vực hoặc quốc tế còn hạn chế.

Hệ thống thu thập thông tin phản hồi về cựu người học, đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên chưa hoàn thiện, chưa có cơ chế sử dụng hiệu quả kết quả khảo sát để cải tiến các hoạt động dạy học, đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá hướng đến đánh giá được năng lực của người học; chưa đẩy mạnh mở rộng quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động để hỗ trợ người học tìm kiếm việc làm và chưa công bố đầy đủ thông tin về người học tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử.

Chưa có các giải pháp tích cực và chế tài đủ mạnh buộc giảng viên đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ phục vụ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển chuyên môn nghiệp vụ; việc quy hoạch, bồi dưỡng và bổ nhiệm các cán bộ quản lý đạt chuẩn theo quy định và có các biện pháp tích cực để nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý và tư vấn chính sách cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý của Nhà trường cần được tăng cường.

Sự tham gia của toàn Trường vào các hoạt động giáo dục, đào tạo và hỗ trợ cho người học trong học tập, sinh hoạt, tìm kiếm việc làm chưa nhiều; nội dung và hình thức giáo dục, tuyên truyền, xây dựng lối sống lành mạnh, lồng ghép giáo dục đạo đức và pháp luật cho người học vào trong các hoạt động của Nhà trường chưa đổi mới; việc hướng dẫn người học sử dụng hiệu quả tài nguyên học tập cần cải tiến, và đầu tư cho nghiên cứu khoa học, khuyến khích đổi mới, sáng tạo và nâng cao tính chủ động, tích cực và năng lực tự tạo việc làm của người học cần tăng cường.

Hoạt động khoa học công nghệ của Trường tuy đã đạt được một số kết quả nhất định song vẫn chưa đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu theo Thông tư 24/2015/TT-BGDĐT về chuẩn quốc gia đối với cơ sở giáo dục đại học, Thông tư 12/2017/TT-

BGDĐT về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học và Thông tư 08/2017/TT-BGDĐT về đào tạo tiến sĩ.

Cơ sở dữ liệu, hoàn thiện hệ thống quản lý khoa học công nghệ để tăng hiệu quả cho sử dụng khai thác và quản lý chưa được xây dựng bài bản; việc rà soát, đánh giá việc thực hiện làm căn cứ hoàn thiện xây dựng các kế hoạch phát triển khoa học công nghệ dài hạn, ngắn hạn với các chỉ số thực hiện cốt lõi, đặc biệt các đề tài, dự án có giá trị ứng dụng thực tế, đóng góp cho sự phát triển kinh tế-xã hội và làm tăng nguồn lực của Nhà trường chưa thường xuyên; việc thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh và có cơ chế hoạt động, chính sách đầu tư hợp lý về kinh phí, trang thiết bị nghiên cứu cho các nhóm hoạt động chưa nhiều; hoạt động hợp tác trong và ngoài nước nhằm tăng cường số lượng các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, các hợp đồng đặt hàng, hoạt động chuyển giao công nghệ, các giải pháp hữu ích hay tư vấn chính sách,... trong đó lưu ý đến việc đăng ký bằng phát minh, sáng chế cho các sản phẩm nghiên cứu chưa được đẩy mạnh.

Hoạt động hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học thông qua việc đầu tư trọng điểm cho những nhóm nghiên cứu mạnh và những hướng nghiên cứu tiềm năng của Nhà trường chưa được tăng cường; chưa có các giải pháp hiệu quả để thu hút thêm sinh viên vào học tại Trường; các hoạt động trao đổi giảng viên, sinh viên với mạng lưới các trường đại học trong khu vực Đông Nam Á chưa nhiều.

Nguồn học liệu để đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu học tập, nghiên cứu của cán bộ, giảng viên và người học chưa đầy đủ; hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống phần mềm quản lý, hỗ trợ lưu trữ các cơ sở dữ liệu dùng chung trong toàn Trường chưa đồng bộ; khả năng xã hội hoá để thu hút các nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng và đầu tư trang thiết bị dạy học, nghiên cứu khoa học chưa được phát huy; việc lấy ý kiến đánh giá về mức độ hài lòng của cán bộ, giảng viên và người học về hệ thống cơ sở vật chất và trang thiết bị thực hành thí nghiệm để cải tiến, tăng cường hiệu quả sử dụng, khai thác chưa toàn diện và chưa thường xuyên.

Nhà trường chưa có kế hoạch chiến lược tăng nguồn thu từ các hoạt động khoa học công nghệ, chuyển giao tri thức, công nghệ góp phần tăng mức độ tự chủ tài chính; hiệu quả đầu tư trong một số lĩnh vực chủ yếu như: cơ sở hạ tầng, khoa học công nghệ và trang thiết bị phục vụ chưa triển khai đồng bộ; việc đảm bảo cân đối các

nguồn thu để thực hiện chi cho nghiên cứu khoa học của giảng viên và người học theo quy định, đầu tư cho các hướng nghiên cứu ứng dụng chuyển giao cần được cải tiến.

1.5. Cơ hội

Xu thế toàn cầu hóa, khu vực hóa đã và đang tạo ra những điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội nói chung và giáo dục, đào tạo nói riêng. Cộng đồng ASEAN hình thành sẽ là lợi thế quan trọng để giáo dục đại học Việt Nam hội nhập sâu rộng hơn với khu vực và thế giới.

Trong nước, tình hình chính trị ổn định, vị thế nước ta trên trường quốc tế tiếp tục được nâng cao. Thành tựu của công cuộc đổi mới cùng với quá trình mở cửa, hội nhập sâu rộng với thế giới đã tạo điều kiện cho việc giao lưu, học hỏi kinh nghiệm trong xây dựng chiến lược giáo dục, đào tạo đội ngũ giảng viên của các trường đại học.

Vai trò của khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo đã được khẳng định trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng và được thể hiện xuyên suốt trong các mục tiêu của Kế hoạch hành động quốc gia, là công cụ then chốt trong thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững; đóng vai trò quan trọng trong tăng kinh tế, giải quyết các thách thức trên mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế, xã hội. Chiến lược phát triển kinh tế- xã hội giai đoạn 2021-2030, xác định: phát triển nguồn nhân lực, giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhân lực chất lượng cao của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế. Nhà nước đã đổi mới cơ chế quản lý giáo dục đại học, tăng cường giao quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm cho các trường đại học. Cơ chế tự chủ tài chính tạo cho Trường cơ hội tăng nguồn thu ngoài ngân sách Nhà nước để đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất để thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao.

Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm, đầu tư và chỉ đạo kịp thời, có hiệu quả của các bộ, ban, ngành Trung ương, tỉnh Nghệ An đối với mọi mặt hoạt động. Trường hiện có hệ thống cơ sở vật chất khang trang, đồng bộ, cơ bản đáp ứng được nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

Trường Đại học Vinh có truyền thống và thế mạnh đào tạo giáo viên. Hiện nay, Trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo chọn là một trong 7 trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục của cả nước; là 1 trong 18 trường đại học được Chính phủ đầu tư xây dựng thành trường đại học trọng điểm quốc gia.

Trường Đại học Vinh chính thức trở thành thành viên Hiệp hội CDIO quốc tế. Đây là một thành công và là bước tiến quan trọng của Trường Đại học Vinh khi tiếp cận mô hình đào tạo tiên tiến CDIO nhằm nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế.

Trường là thành viên liên kết của Mạng lưới các trường đại học ASEAN. Đây là điều kiện để được đăng ký kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn AUN-QA. Nhờ đó, chất lượng đào tạo sẽ tiếp cận, hội nhập khu vực và quốc tế.

Đảng ủy, Ban Giám hiệu, các đơn vị, đoàn thể trực thuộc Trường luôn đoàn kết, gắn bó, đồng thuận và quyết tâm cao trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị. Cán bộ, đảng viên, học sinh, sinh viên, học viên của Nhà trường có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt.

Trường có Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Thanh Hóa; đây là điều kiện thuận lợi để Trường mở rộng địa bàn đào tạo, đồng thời quảng bá thông tin về chất lượng và các chương trình đào tạo của Trường. Sinh viên tốt nghiệp Trường Đại học Vinh đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường lao động khu vực Bắc Trung bộ và cả nước.

Nhà trường có quan hệ hợp tác với nhiều trường đại học, cơ quan nghiên cứu trên thế giới; là điểm đến tin cậy của lưu học sinh các nước trong khu vực. Trường được giao nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực cho nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

Đội ngũ cán bộ, viên chức trong toàn trường đã nhận thức được những kỳ vọng lớn của xã hội đối với giáo dục đại học trong nền kinh tế tri thức nên rất đồng thuận trong công cuộc tái cơ cấu mô hình quản trị Nhà trường, xem đó là động lực cho sự phát triển.

Trường đã được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định giáo dục cơ sở giáo dục năm 2017 và các năm tiếp theo đều có các chương trình đào tạo được đánh giá và công nhận đạt tiêu chuẩn khu vực và quốc gia. Đây là cơ hội để Trường quảng bá và tăng uy tín đối với xã hội về chất lượng đào tạo.

Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh được Bộ Giáo dục và Đào tạo thành lập và cấp phép hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục. Trường được Tổ chức Đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN (AUN-

QA) chấp nhận là thành viên liên kết. Đây là một cơ hội lớn để Nhà trường nâng cao vị thế và lực lượng tư vấn cho trong việc đảm bảo chất lượng, kiểm định chất lượng và cải tiến chất lượng thường xuyên cho Nhà trường nói riêng, cho các cơ sở giáo dục nói chung.

1.6. Thách thức

Yêu cầu của xã hội về chất lượng đào tạo ngày càng tăng, đặc biệt là trong bối cảnh quốc tế hóa, toàn cầu hóa; thế giới đang dịch chuyển sang kỷ nguyên số.

Nước ta tiếp tục hội nhập quốc tế sâu rộng trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Nhiều trường đại học nước ngoài, nhiều tập đoàn đầu tư vào Việt Nam. Do đó, cạnh tranh trong đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội ngày càng gay gắt. Mặt khác, cùng với quá trình hội nhập, toàn cầu hóa, xu hướng cán bộ (đặc biệt là cán bộ trẻ) có trình độ cao, có năng lực từ các trường đại học làm việc cho các công ty, doanh nghiệp sẽ ngày một tăng lên.

Việc sớm thực hiện cơ chế tự chủ về thực hiện hoạt động đào tạo, khoa học công nghệ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính của cơ sở giáo dục đại học công lập theo chủ trương của Chính phủ đặt ra cho Nhà trường nhiều thách thức, đặc biệt về vấn đề tài chính.

Tỉnh Nghệ An hiện có nhiều trường đại học trực thuộc tỉnh và một số trường cao đẳng đang xây dựng đề án nâng cấp thành trường đại học nên việc cạnh tranh trong công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học trên địa bàn ngày càng lớn, nhất là trong công tác tuyển sinh.

Cơ cấu đội ngũ, trình độ cán bộ chưa đồng đều giữa các khoa, viện, nhất là đối với các ngành mới. Năng lực và tính chuyên nghiệp của một số cán bộ lãnh đạo, quản lý chưa cao. Nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất, trang thiết bị chưa đáp ứng được yêu cầu hỗ trợ hiệu quả cho các hoạt động nghiên cứu và giảng dạy theo tiêu chuẩn chất lượng quốc tế.

Văn hóa chất lượng trong các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam, trong đó có Trường Đại học Vinh, mới được hình thành, chưa thực sự gắn với nề nếp làm việc thường ngày của từng cán bộ, giảng viên, trong khi đó yêu cầu cao của xã hội về nâng cao công tác đảm bảo chất lượng đào tạo theo các chuẩn mực quốc tế để đảm bảo sự

công nhận về trình độ đào tạo và thích ứng với thế giới việc làm trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Trường Đại học Vinh trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, kinh phí đầu tư cho Trường còn hạn chế so với yêu cầu phát triển. Trường đóng trên địa bàn Nghệ An, là tỉnh có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển chưa cao, điều kiện tự nhiên không thuận lợi, xa các vùng kinh tế lớn, sự hỗ trợ của địa phương về kinh phí cho xây dựng và phát triển của Nhà trường còn hạn chế.

Phần II

SỨ MẠNG, TẦM NHÌN

2.1. Sứ mạng

Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển giáo dục-đào tạo của khu vực Bắc Trung Bộ; là trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển của quốc gia và quốc tế.

Diễn giải:

Phát biểu sứ mạng cho biết Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đa ngành, đa lĩnh vực. Sản phẩm giáo dục đào tạo của Nhà trường đạt trình độ cao và được các nhà tuyển dụng đón nhận cũng như được xã hội thừa nhận. Với một bề dày lịch sử và truyền thống hơn 62 năm trong giáo dục đào tạo lĩnh vực sư phạm có uy tín nhất cả nước cũng như trong công tác NCKH cơ bản, khoa học giáo dục thì Trường Đại học Vinh phải là đầu tàu và có sứ mệnh dẫn dắt sự phát triển của hệ thống giáo dục khu vực Bắc Trung Bộ.

Bên cạnh đó, trong quá trình phát triển, Trường Đại học Vinh đã cho thấy sự đổi mới, thích ứng với thế giới việc làm, đổi mới thích ứng với quá trình chuyển đổi công nghệ số và sáng tạo trong quá trình quản lý, điều hành; trong giáo dục đào tạo; trong NCKH và phục vụ cộng đồng, vì vậy Trường Đại học Vinh phải là Trung tâm đổi mới sáng tạo góp phần thúc đẩy sự phát triển của quốc gia và quốc tế.

2.2. Tầm nhìn

Trường Đại học Vinh trở thành đại học thông minh, xếp hạng top 500 đại học hàng đầu châu Á năm 2030, hướng đến top 1000 đại học hàng đầu thế giới vào năm 2045.

Diễn giải:

Trường đại học ngày nay có bốn vai trò quan trọng trong sáng tạo tri thức, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, hạt nhân đổi mới sáng tạo và đầu mối hội nhập quốc tế. Sự phát triển mạnh mẽ các công nghệ số hóa đã tạo nên sự biến đổi to lớn và

nhANH chóng đối với kinh tế, xã hội và mọi mặt của đời sống con người. Khoảng mười năm gần đây, đại học thông minh không chỉ là một chủ đề nghiên cứu được quan tâm mà đã trở thành một xu thế phát triển giáo dục đại học tại các quốc gia trên thế giới.

Với sứ mạng là trung tâm đổi mới sáng tạo, Nhà trường đặt ra mục tiêu lý tưởng cho lộ trình 10 năm tới là xây dựng Trường Đại học Vinh trở thành Đại học thông minh. Đại học thông minh là một khái niệm liên quan đến việc hiện đại hóa toàn diện mọi quá trình giáo dục, đó là nơi chia sẻ kiến thức một cách liền mạch và là một hệ thống xanh, mạnh mẽ, được cá nhân hóa, có trách nhiệm, tương tác và thích nghi, cũng như có thể truy cập mọi nơi, mọi lúc và từ mọi thiết bị. Đặc trưng của đại học thông minh là được hỗ trợ bằng công nghệ thông minh, sử dụng các công cụ thông minh và thiết bị thông minh (*điển hình là thiết bị di động thông minh*), mạng thế hệ mới, các ứng dụng phần mềm tương tác cao.

Lộ trình của tầm nhìn này được tạo dựng trên cơ sở khi nhà trường đang hoàn thiện hệ thống quản trị hiện đại, ứng dụng phần mềm thông minh và công nghệ số trong quá trình quản lý điều hành và sự nghiệp giáo dục đào tạo của mình. Nhà trường đã xác định các nhiệm vụ sẽ phải thực hiện để trở thành Đại học thông minh (Smart University) gồm 8 lĩnh vực:

1. *Khuôn viên thông minh* (Smart Campus)
2. *Người học thông minh* (Smart Learners)
3. *Giáo dục thông minh* (Smart Education)
4. *Nghiên cứu thông minh* (Smart Research)
5. *Chất lượng thông minh* (Smart Quality)
6. *Nhân lực thông minh* (Smart Recruitment)
7. *Quản trị thông minh* (Smart Governance)
8. *Ảnh hưởng thông minh* (Smart Influence)

Các mức độ của Đại học thông minh từ thấp đến cao là:

+ **Mức độ 1:** Khả năng thích ứng là mức độ 'thông minh' thấp nhất của một hệ thống thông minh (HTTM). Hệ thống này có khả năng tùy chỉnh các đặc tính vật lý

hay hành vi, ứng xử (hoạt động) để có thể phù hợp với môi trường hoặc để tồn tại tốt hơn trong môi trường ấy.

+ **Mức độ 2:** Khả năng cảm nhận. HTTM có khả năng phân định, nhận dạng, hiểu và/ hoặc nhận thức được các hiện tượng, sự kiện, đối tượng, tác động, v.v.

+ **Mức độ 3:** Khả năng suy luận/suy diễn (infer). HTTM có khả năng đưa ra các kết luận hợp lý trên cơ sở các dữ liệu thô, các thông tin đã được xử lý, các quan sát, các bằng chứng, các giả định, các quy tắc, và lập luận logic.

+ **Mức độ 4:** Khả năng tự học hỏi. HTTM có khả năng tiếp thu kiến thức mới hay điều chỉnh những kiến thức, kinh nghiệm, hành vi sẵn có để cải thiện hoạt động, hiệu quả, kỹ năng, v.v.

+ **Mức độ 5:** Khả năng dự báo. HTTM có khả năng suy nghĩ hay lập luận lô-gic để dự báo điều gì sẽ xảy ra hay cần phải làm gì ở bước tiếp theo.

+ **Mức độ 6:** Khả năng tối ưu hóa. HTTM có khả năng tự thay đổi cấu trúc nội bộ (các hợp phần), tự tái tạo và tự duy trì một cách có chủ đích (không ngẫu nhiên) trong điều kiện thích hợp nhưng không có tác nhân bên ngoài.

Dựa trên các mức độ, hay các đặc tính này của một hệ thống thông minh, các nhà phát triển sẽ xác định những phần cứng, phần mềm, phương pháp hay hoạt động nào hiệu quả nhất cho đối tượng sinh viên hay nhân viên của họ, rồi đưa ra những quyết định đầu tư và cách thức triển khai hợp lý, khả thi nhất cho việc xây dựng một phòng thí nghiệm thông minh hay một văn phòng thông minh.

Bên cạnh đó, với đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên có trình độ cao, sản phẩm đầu ra đạt chất lượng đáp ứng tốt với thị trường lao động, có mạng lưới hợp tác phát triển rộng khắp trong nước và nước ngoài, nhà trường có căn cứ và động lực để phấn đấu xếp hạng top 500 đại học hàng đầu Châu Á (*bảng xếp hạng QS Asia - xếp hạng các trường đại học Châu Á dựa vào các chỉ số liên quan đến uy tín của cơ sở giáo dục trong thế giới việc làm và môi trường học thuật*).

Phần III

MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ TRƯỜNG

3.1. Lĩnh vực Đào tạo

3.1.1. Mục tiêu tổng quát

+ Mục tiêu 2021-2025:

Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội đất nước và hội nhập quốc tế trong kỷ nguyên số

+ Mục tiêu đến 2030, tầm nhìn 2045:

Xây dựng Trường Đại học Vinh thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển giáo dục-đào tạo của khu vực Bắc Trung Bộ.

3.1.2. Mục tiêu cụ thể và giải pháp

Mục tiêu 1: Từng bước mở rộng các lĩnh vực và ngành đào tạo mới, liên ngành, xuyên ngành.

Giải pháp

1.1. Mở ngành đào tạo mới đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế.

1.2. Xây dựng kế hoạch, chính sách và truyền thông tuyển sinh hiệu quả.

1.3. Phát triển chương trình đào tạo linh hoạt, chú trọng các môn học cốt lõi tạo điều kiện cho người học có thể học đồng thời 2 chương trình để tăng cơ hội việc làm sau khi ra trường.

1.4. Tăng cường kết nối với doanh nghiệp để mở rộng nguồn tuyển theo nhu cầu xã hội, chú trọng các vùng kinh tế - xã hội trọng điểm.

1.5. Xây dựng chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng ứng dụng và định hướng nghiên cứu để đáp ứng nhu cầu người học.

1.6. Tăng khả năng có việc làm cho sinh viên thông qua các chương trình hợp tác với các doanh nghiệp, giới thiệu việc làm, thực tập sinh và xuất khẩu lao động.

1.7. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tư vấn quảng bá tuyển sinh; quan tâm xây dựng các chương trình/hình thức quảng bá tuyển sinh ở nước ngoài.

Mục tiêu 2: Mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT phù hợp nhu cầu các bên liên quan; Chương trình và phương thức đào tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục - đào tạo, hội nhập quốc tế.

Giải pháp

2.1. Phát triển chương trình đào tạo tiếp cận CDIO cho các bậc học nhằm phát triển năng lực người học.

2.2. Áp dụng quản lý chất lượng đào tạo theo Tiêu chuẩn ISO 9001.

2.3. Cải tiến quy trình thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình đào tạo và chương trình môn học có sự đóng góp và phản hồi của các bên liên quan để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật, đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của xã hội.

2.4. Thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các môn học để phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan; bổ sung các chuyên đề về rèn luyện kỹ năng mềm, phát triển các năng lực tự học, tự nghiên cứu, năng lực làm việc nhóm, giao tiếp, tư duy phản biện và tự học suốt đời... cho người học.

2.5. Phát triển chương trình đào tạo chất lượng cao, chú trọng phát triển kỹ năng làm việc trong môi trường có yếu tố nước ngoài; xây dựng chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn và đủ điều kiện để đăng ký kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo các chuẩn quốc tế (AUN-QA, ABET,...).

2.6. Tăng cường tính liên thông giữa các ngành nhằm tạo điều kiện linh hoạt để sinh viên học ngành 2 và người đã tốt nghiệp học văn bằng 2; phát triển chương trình liên thông, liên kết quốc tế theo các mô hình 1+1 (cao học), 2+2; 3+1; 1+3 (đại học, tiến sĩ).

2.7. Phát triển mô hình, phương thức đào tạo giáo viên theo các mô hình đào tạo tiên tiến trên thế giới, đặc biệt là mô hình đào tạo giáo viên trong các trường đại học đa ngành.

2.8. Xây dựng và cập nhật chương trình bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý theo tiếp cận năng lực, dựa theo nhu cầu của trường phổ thông, đảm bảo tính hệ thống và nhất quán.

2.9. Phát triển các khóa học trực tuyến; xây dựng các chương trình dạy học có tính linh hoạt (hoặc tối ưu hóa) về cấu trúc và nội dung học tập; tăng cường xây dựng các bài học và mô-đun với các thành phần và cấu trúc biến đổi phù hợp với nhiều loại hình giảng dạy (trực tiếp, trực tuyến, hỗn hợp) và các loại người học.

2.10. Tăng cường ứng dụng công nghệ cao trong công tác quản lý và tổ chức các hoạt động đào tạo.

Mục tiêu 3: Đổi mới công nghệ và phương thức đào tạo theo hướng tiếp cận năng lực người học, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy.

Giải pháp

3.1. Thiết lập hệ thống lựa chọn các hoạt động dạy học phù hợp với phương thức đào tạo tiếp cận CDIO và triết lý giáo dục học trải nghiệm đáp ứng chuẩn đầu ra.

3.2. Xây dựng hệ thống thu hút, tuyển chọn đội ngũ GV, phân công nhiệm vụ dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm. Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá theo tiếp cận năng lực cho đội ngũ GV.

3.3. Tăng cường dự giờ trao đổi kinh nghiệm, cải tiến hoạt động dạy học theo định hướng lấy người học làm trung tâm, đáp ứng chuẩn đầu ra và được giám sát, đánh giá để đảm bảo và cải tiến chất lượng.

3.4. Thường xuyên cải tiến sinh hoạt chuyên môn, seminar học thuật; tạo điều kiện cho cán bộ giao lưu, trao đổi học thuật, chia sẻ tài nguyên học liệu và kinh nghiệm dạy học, nghiên cứu; rèn luyện tính tự tin, kỹ năng làm việc nhóm và năng lực sử dụng ngoại ngữ.

3.5. Mời chuyên gia trong và ngoài nước có kinh nghiệm tập huấn cho cán bộ về phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá, tăng cường trao đổi học giả với các trường đại học nước ngoài có uy tín để nâng cao năng lực cán bộ và cập nhật phương pháp giảng dạy.

3.6. Tăng cường liên kết với các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất, các nhà tuyển dụng để gắn quá trình đào tạo với thế giới việc làm; cử giảng viên giảng dạy chương trình sư phạm định kỳ làm việc tại trường phổ thông để trải nghiệm thực tế.

3.7. Đa dạng loại hình giảng dạy (trực tiếp, trực tuyến, kết hợp), khai thác tối đa hiệu quả của các phương pháp dạy học hiện đại theo đặc thù ngành đào tạo nhằm phát huy sự sáng tạo, hình thành các năng lực, phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp cho người học.

3.8. Triển khai hiệu quả các hình thức đào tạo trên các nền tảng số; thúc đẩy phát triển học liệu số phục vụ dạy - học, kiểm tra, đánh giá, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

3.9. Xây dựng các phòng thí nghiệm/bài thực hành từ xa/thực tế ảo.

Mục tiêu 4: Hoạt động kiểm tra đánh giá theo năng lực người học, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và đạt được chuẩn đầu ra.

Giải pháp

4.1. Xây dựng hệ thống văn bản và công cụ hỗ trợ hoạt động kiểm tra đánh giá để thiết lập được hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá người học phù hợp trong quá trình học tập.

4.2. Phát triển hệ thống ngân hàng đề thi đảm bảo chất lượng và các hình thức kiểm tra đánh theo giá năng lực khác phù hợp với việc đạt được chuẩn đầu ra.

4.3. Thường xuyên rà soát, cải tiến nội dung, hình thức và phương pháp đánh giá kết quả học tập theo hướng đánh giá năng lực của người học, đảm bảo tính đa dạng, độ giá trị, độ tin cậy, khách quan và công bằng đáp ứng chuẩn đầu ra.

4.4. Thường xuyên thu thập thông tin phản hồi về kết quả đánh giá người học để rà soát, điều chỉnh hoạt động kiểm tra đánh giá nhằm đảm bảo độ chính xác, tin cậy, công bằng và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra.

4.5. Phát triển các hình thức kiểm tra, đánh giá trực tuyến; từng bước ứng dụng kiểm tra, đánh giá dựa trên tiếp cận kết hợp mô hình phương trình cấu trúc và phân tích mạng xã hội.

Mục tiêu 5: Hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học đạt hiệu quả đồng bộ với mục tiêu đào tạo.

Giải pháp

5.1. Lập kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn triển khai hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học và hệ thống giám sát người học dựa trên chức năng nhiệm vụ của các đơn vị và cá nhân liên quan.

5.2. Thành lập Trung tâm hỗ trợ phát triển sự phạm.

5.3. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và kỹ thuật tiên tiến vào quá trình dạy học và kiểm tra đánh giá; xây dựng và khai thác có hiệu quả hệ thống quản trị nhà trường LMS; tăng cường nguồn học liệu có chất lượng, biên soạn, biên dịch, xuất bản giáo trình; lựa chọn sử dụng các giáo trình tiên tiến trên thế giới; phát triển nguồn học liệu mở; đầu tư và bổ sung trang thiết bị thực hành thí nghiệm phục vụ dạy học; xây dựng không gian học tập linh hoạt phục vụ nhu cầu học tập, nghiên cứu cho người học.

5.4. Định kỳ lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để rà soát, cải tiến hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học và hệ thống giám sát người học dựa trên chức năng nhiệm vụ của các đơn vị và cá nhân liên quan.

5.5. Thường xuyên cải tiến các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Mục tiêu 6: Tăng tỷ lệ người học tốt nghiệp đúng hạn và có việc làm sau khi ra trường.

Giải pháp

6.1. Thực hiện hiệu quả công tác thống kê dữ liệu về tỷ lệ người học đạt yêu cầu, tỷ lệ thôi học, và thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các chương trình của tất cả các chương trình đào tạo, các học phần được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến phù hợp với thực tiễn.

6.2. Thực hiện hiệu quả công tác tư vấn học tập cho người học trong việc lập kế hoạch học tập, lựa chọn môn học và có kế hoạch đào tạo phù hợp để tăng tỷ lệ người học tốt nghiệp đúng hạn và có kết quả tốt nghiệp cao.

6.3. Thiết lập và vận hành hiệu quả hệ thống kết nối cựu sinh viên để thu thập thông tin về việc làm của sinh viên và cải tiến chương trình đào tạo.

6.4. Thường xuyên cải tiến chương trình đào tạo, tăng cường chất lượng phục vụ người học, từ đó nâng cao chất lượng đào tạo để tăng tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn và có việc làm sau khi ra trường.

6.5. Tăng cường sự tham gia của các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức xã hội vào hoạt động đào tạo của Trường.

3.2. Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ

3.2.1. Mục tiêu tổng quát

+ Mục tiêu 2021-2025:

Nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, phát huy tiềm lực các lĩnh vực khoa học và công nghệ để chuyển giao tri thức và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của khu vực Bắc Trung bộ và cả nước

+ Mục tiêu đến 2030, tầm nhìn 2045:

Phát triển Trường Đại học Vinh thành trung tâm nghiên cứu, chuyển giao công nghệ mạnh, góp phần đưa khoa học công nghệ thành động lực phát triển của khu vực Bắc Trung bộ, quốc gia và quốc tế.

3.2.2. Mục tiêu cụ thể

1. Hoạt động khoa học công nghệ đóng vai trò then chốt trong việc nâng cao chất lượng đào tạo đại học và sau đại học, đặc biệt là chất lượng đào tạo tiến sĩ, sau tiến sĩ.

2. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ Trường Đại học Vinh.

3. Phát huy thế mạnh công bố quốc tế trong lĩnh vực khoa học tự nhiên, kỹ thuật và công nghệ, phấn đấu gia tăng số lượng công bố trên các tạp chí thuộc danh mục ISI/Scopus bình quân 25%/năm.

4. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các nhóm nghiên cứu liên ngành thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và khoa học nhân văn góp phần phát triển kinh tế - xã hội và thúc đẩy công bố quốc tế có uy tín thuộc danh mục Scopus/ISI. Lựa chọn và đầu tư một số nhóm nghiên cứu thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên, kỹ thuật và công nghệ định hướng mục tiêu đến năm 2025 đạt trình độ và kết quả nghiên cứu tầm khu vực và quốc tế.

5. Thúc đẩy hoạt động nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học giáo dục, xây dựng nhiều giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao thương hiệu về đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục.

6. Ưu tiên đầu tư một số hướng phát triển công nghệ, một số loại hình dịch vụ khoa học và công nghệ phù hợp nhằm tạo ra các sản phẩm mang thương hiệu Trường Đại học Vinh.

7. Tăng cường sự hiện diện, ảnh hưởng của Trường Đại học Vinh ở địa bàn các tỉnh khu vực Bắc Trung Bộ và một số địa phương khác trên cả nước thông qua các hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

8. Thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo trong đội ngũ GV, nhà khoa học và người học; chú trọng chuyển giao tri thức, hỗ trợ các GV, nhà khoa học, người học kết nối doanh nghiệp, tìm kiếm cơ hội ươm tạo và phát triển khởi nghiệp.

Các giải pháp

1. Nghiên cứu đổi mới cơ cấu tổ chức, cơ chế quản lý và điều hành các hoạt động khoa học và công nghệ

a) Về cơ cấu tổ chức:

- Nâng cao hiệu quả hoạt động, gia tăng số lượng loại hình và chất lượng các sản phẩm của các nhóm nghiên cứu. Xây dựng chiến lược và kế hoạch hành động cụ thể, ưu tiên đầu tư kinh phí hoạt động nhằm đạt được mục tiêu đã đề ra;

- Thành lập một số tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ tự trang trải kinh phí, doanh nghiệp khoa học và công nghệ,... hoạt động theo cơ chế tự chủ dưới sự bảo trợ pháp lý và hỗ trợ của Nhà trường;

- Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm nghiên cứu sáng tạo-Khởi nghiệp nhằm thúc đẩy nghiên cứu khoa học, gắn nghiên cứu với thực tiễn, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực nghiên cứu khoa học, chia sẻ tài nguyên, cơ sở vật chất giữa các nhóm nghiên cứu trong Trường; phối hợp với các phòng ban, đơn vị chức năng của Trường, tham gia vào việc tư vấn, hỗ trợ cán bộ, GV và SV trong các hoạt động khởi nghiệp sáng tạo vừa phù hợp với chính sách của Nhà nước, của Trường, vừa có cơ hội đưa các sản phẩm khoa học công nghệ đến với thị trường;

- Rà soát, quy hoạch, sắp xếp và xây dựng chiến lược phát triển hệ thống phòng thí nghiệm, cơ sở vật chất phục vụ nghiên cứu chuyên sâu theo định hướng tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các nhóm nghiên cứu, các nhà khoa học nhằm sử dụng hiệu quả trang thiết bị, cơ sở vật chất đã được đầu tư.

b) Về cơ chế quản lý và điều hành các hoạt động khoa học và công nghệ

- Sửa đổi, bổ sung quy định quản lý các hoạt động khoa học và công nghệ của Nhà trường theo định hướng phù hợp với tình hình thực tế mới, phù hợp cơ chế tự chủ đại học;

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ Trường Đại học Vinh. Tăng cường thu hút các nguồn kinh phí đầu tư cho quỹ, tạo động lực cho các nhà khoa học trong nghiên cứu;

- Đổi mới phương thức xét chọn, giao đề tài khoa học và công nghệ; nghiên cứu tích hợp hoạt động nghiên cứu khoa học với hoạt động đào tạo sau đại học, đặc biệt là đào tạo tiến sĩ;

- Đa dạng hóa loại hình hợp tác quốc tế trong khoa học và công nghệ;

- Xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp nhằm tăng cường tính chủ động của cán bộ, giảng viên và các nhà khoa học trong việc tìm kiếm các nguồn kinh phí khác nhau phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ;

- Nghiên cứu xây dựng và từng bước hoàn thiện cơ chế hoạt động của các nhóm nghiên cứu, các tổ chức và doanh nghiệp khoa học và công nghệ, các phòng thí nghiệm chuyên sâu,...;

- Lựa chọn một số hướng nghiên cứu mới phù hợp với yêu cầu phát triển, xây dựng kế hoạch đầu tư nguồn lực phát triển;

- Thực hiện chuyển đổi số, thống nhất và đồng bộ hệ thống dữ liệu số, nâng cao hiệu quả công tác quản trị, điều hành và thực hiện đổi mới hoạt động khoa học và công nghệ của Nhà trường.

- Xây dựng cổng thông tin kết nối với các nhà khoa học trong và ngoài nước.

2. Xây dựng chính sách nhằm thúc đẩy nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học tự nhiên, kỹ thuật và công nghệ trở thành mũi nhọn đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, gia tăng số lượng và chất lượng công trình công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế có uy tín thuộc danh mục Scopus/ISI

- Khuy dựng chính sách nhằm thúc đẩy nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ có sự tham gia sâu của các nhà khoa học có uy tín trong nước và nước ngoài;

- Xây dựng chính sách nhằm thúc đẩy nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ có sự tham gia sâu của các nhà khoa học lãnh đạo khoa học.

Đặc biệt, tranh thủ tối đa sự ủng hộ, giúp đỡ của các nhà khoa học Việt kiều để xây dựng và phát triển các nhóm nghiên cứu, các hướng nghiên cứu mới phù hợp với xu thế phát triển khoa học và công nghệ của thế giới, đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0;

- Xây dựng chính sách hỗ trợ hợp lý cho các cá nhân, nhóm có công bố quốc tế thông qua xét chọn và giao các nhiệm vụ khoa học và công nghệ để triển khai. Nghiên cứu chính sách phân bổ kinh phí hợp lý (căn cứ theo sản phẩm đăng ký) cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo từng lĩnh vực.

- Tăng cường hợp tác giữa các nhóm nghiên cứu, các phòng thí nghiệm của Nhà trường, xây dựng mạng lưới liên kết với các nhóm nghiên cứu, phòng thí nghiệm trong nước và quốc tế.

3. Đào tạo nguồn nhân lực và nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực Khoa học Giáo dục/Sư phạm, góp phần thúc đẩy sự phát triển lĩnh vực văn hóa-giáo dục ở các địa phương trong khu vực Bắc Trung bộ và cả nước, nâng cao uy tín, thương hiệu của Nhà trường.

- Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học giáo dục nhằm nâng cao uy tín, thực tiễn, nghiên cứu các lý thuyết dạy học hiện đại trên thế giới. Qua đó, lựa chọn và đề xuất ứng dụng những tri thức mới phù hợp với điều kiện thực tế Việt Nam hiện nay;

- Hình thành và xây dựng các nhóm nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học giáo dục nhằm nâng cao uy tín, trình giáo dục phổ thông tổng thể để nghiên cứu xây dựng và biên soạn hệ thống tài liệu hỗ trợ việc dạy và học ở bậc phổ thông thật sự có chất lượng nhằm góp phần khẳng định uy tín, thương hiệu của Trường Đại học Vinh trong công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục;

- Tăng cường nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học giáo dục nhằm nâng cao uy tín, sự ảnh hưởng, vai trò đóng góp của các nhà khoa học Trường Đại học Vinh đối với công cuộc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Đặc biệt chú trọng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tầm ảnh hưởng tích cực đến ngành giáo dục và đào tạo các tỉnh khu vực Bắc Trung bộ và một số tỉnh khác.

4. Xây dựng một số hướng nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, đầu tư phát triển 3 - 5 nhóm nghiên cứu liên ngành nhằm tham gia giải quyết các

vấn đề mang tính lý luận, làm cơ sở khoa học cho việc hoạch định chủ trương, chính sách; thúc đẩy số lượng và chất lượng các công trình công bố trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc danh mục Scopus/ISI

- Thay đổi tư duy, phương pháp luận trong nghiên cứu khoa học của các ngành thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn theo chuẩn mực quốc tế thông qua các hoạt động giao lưu, hội nghị - hội thảo khoa học có sự tham gia của các nhà khoa học nước ngoài có uy tín;

- Kết nối với các nhà khoa học trong nước, nước ngoài có uy tín, kinh nghiệm trong việc nghiên cứu và công bố kết quả trên các tạp chí khoa học để tư vấn, hỗ trợ;

- Xây dựng chính sách hỗ trợ với những cam kết mạnh mẽ đặc biệt là về tài chính cho các nhóm, các cá nhân đăng ký có sản phẩm nghiên cứu là bài báo đăng trên tạp chí thuộc danh mục Scopus trở lên;

- Thành lập các nhóm nghiên cứu liên ngành khoa học xã hội và nhân văn nhằm tham gia giải quyết các vấn đề mang tính lý luận, làm cơ sở khoa học cho việc hoạch định chủ trương, chính sách;

- Xây dựng đề án thành lập Trung tâm nghiên cứu và bảo tồn văn hóa Bắc Trung Bộ, nghiên cứu và giới thiệu về lịch sử, văn hóa và các danh nhân nổi tiếng khu vực Bắc Trung Bộ;

- Thành lập các nhóm nghiên cứu có sự tham gia, hỗ trợ của các ngành như công nghệ thông tin, toán học, hóa học,... nhằm mục đích giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương như: dự báo nhu cầu, marketing lãnh thổ, lập bản đồ tài nguyên,...

5. Xây dựng và đầu tư một số nhóm nghiên cứu liên ngành thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên, kỹ thuật và công nghệ định hướng mục tiêu đến năm 2025 đạt trình độ và kết quả nghiên cứu ngang tầm một số nước trong khu vực và quốc tế

- Bám sát các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; chiến lược phát triển khoa học và công nghệ của Chính phủ, các bộ, ngành và địa phương; nghiên cứu xu hướng phát triển khoa học, công nghệ và chuyên giao ứng dụng để lựa chọn và đầu tư hướng nghiên cứu phù hợp;

- Căn cứ tiềm lực thực tế, các điều kiện khách quan và chủ quan để lựa chọn một số hướng nghiên cứu đặc biệt ưu tiên đầu tư nhằm mục tiêu: xây dựng các hướng

nghiên cứu mũi nhọn "màu sắc khoa học riêng" của Trường Đại học Vinh; phần đầu đến năm 2025 các hướng nghiên cứu này sẽ có những nhà khoa học đầu ngành, có các kết quả nghiên cứu ngang tầm một số nước trong khu vực và quốc tế.

6. Đầu tư một số hướng phát triển công nghệ, một số loại hình dịch vụ khoa học và công nghệ phù hợp nhằm tạo ra các sản phẩm mang thương hiệu Trường Đại học Vinh

- Trên cơ sở tiềm lực hiện có, tìm kiếm các đối tác trong và ngoài nước để phát triển một số công nghệ, tạo ra sản phẩm mang thương hiệu Trường Đại học Vinh phục vụ phát triển kinh tế - xã hội khu vực các tỉnh Bắc Trung bộ;

- Thương mại hóa một số sản phẩm khoa học công nghệ;

- Xây dựng một số phòng thí nghiệm đạt chuẩn quy định để thực hiện hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ.

- Nghiên cứu thử nghiệm mô hình doanh nghiệp, công ty công nghệ (spin-off) trong một số lĩnh vực khoa học tự nhiên, kỹ thuật và nông nghiệp có thế mạnh của Trường; xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp có sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp và xã hội.

7. Tìm kiếm các nguồn kinh phí khác nhau để triển khai thực hiện một số hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ ở địa bàn các tỉnh khu vực Bắc Trung Bộ và một số địa phương khác trên cả nước

- Nghiên cứu và hoàn thiện các mô hình sản xuất sản phẩm sạch, nông nghiệp công nghệ cao,... phù hợp với điều kiện thực tế, hài hòa lợi ích các bên liên quan, phối hợp chính quyền địa phương, các doanh nghiệp triển khai sản xuất thử nghiệm và tiến tới chuyển giao công nghệ cho bà con nông dân các tỉnh khu vực Bắc Trung bộ và một số địa phương khác;

- Triển khai một số nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm tăng cường sự hiện diện, ảnh hưởng của các nhà khoa học Trường Đại học Vinh trên địa bàn các tỉnh khu vực Bắc Trung bộ và một số địa phương khác trên cả nước (tư vấn, chuyển giao công nghệ, giới thiệu và định hướng, tham gia xây dựng quy hoạch,...).

- Xây dựng và thực hiện các chính sách, cơ chế khuyến khích, thúc đẩy những hoạt động/lĩnh vực nghiên cứu có tiềm năng chuyển giao công nghệ theo hướng đa dạng hóa về loại hình và sản phẩm, gắn liền với các vấn đề thực tiễn.

- Tăng cường hợp tác với các viện nghiên cứu, doanh nghiệp, các tổ chức và cá nhân khác trong chuyển giao công nghệ để nâng cao chất nghiên cứu, đưa nghiên cứu tiến đến ứng dụng thực tế, đáp ứng nhu cầu xã hội.

- Triển khai các khóa đào tạo ngắn hạn, hướng đến nhu cầu của thị trường, với nguồn khách hàng là các cơ quan, tổ chức, tập đoàn kinh tế có tiềm lực mạnh có nhu cầu đào tạo nâng cao trình độ khoa học công nghệ

8. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong hoạt động khoa học và công nghệ

- Đa dạng hóa loại hình hợp tác; xây dựng mạng lưới hợp tác quốc tế trong hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của Nhà trường;

- Khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong Trường triển khai các nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với các đối tác nước ngoài;

- Xây dựng chính sách thu hút nguồn kinh phí từ nước ngoài thông qua các dự án, chương trình nghiên cứu;

- Lựa chọn đối tác và xây dựng nội dung, kế hoạch hợp tác khoa học trên một số lĩnh vực thế mạnh của Nhà trường;

- Hình thành các tổ chức nghiên cứu khoa học, xây dựng các chương trình, dự án nghiên cứu thu hút sự tham gia của các chuyên gia, nhà khoa học là người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài;

- Tổ chức và chủ trì các hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế tại Trường; xây dựng cơ chế hỗ trợ các nhà khoa học, cán bộ và giảng viên tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học ở nước ngoài./.

3.3. Lĩnh vực Tổ chức-Nhân sự

3.3.1. Mục tiêu tổng quát

+ Mục tiêu 2021-2025:

Phát triển Trường Đại học Vinh thành Đại học Vinh, xây dựng đội ngũ cán bộ, viên chức, người lao động đảm bảo về số lượng, cân đối về cơ cấu, có phẩm chất đạo đức tốt, chuyên nghiệp và sáng tạo, đáp ứng quá trình thực hiện sứ mạng của Nhà trường;

+ Mục tiêu đến 2030, tầm nhìn 2045:

Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nghiên cứu viên, nhân viên phù hợp với các tiêu chí đại học thông minh; thu hút các học giả trong nước và quốc tế có trình độ cao đến giảng dạy và nghiên cứu dài hạn tại Trường;

3.3.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu 1: Phát triển Trường Đại học Vinh thành Đại học Vinh; thiết lập mô hình tổ chức và quản trị đại học thông minh đáp ứng hội nhập quốc tế và xếp hạng đại học.

Giải pháp

1.1. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, nhân sự; xây dựng chức năng nhiệm vụ, quy chế hoạt động, quy trình giải quyết công việc, nguyên tắc phối kết hợp giữa bộ máy quản trị, quản lý và các đơn vị để tạo sự năng động, đồng bộ và hiệu quả trong điều hành, quản lý Nhà trường.

1.2. Hoàn thiện tái cấu trúc Nhà trường để có mô hình cơ cấu hợp lý, tinh gọn, linh hoạt và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, cơ sở vật chất và nguồn lực khác.

1.3. Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành tất cả các hoạt động của Nhà trường.

1.4. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cần thiết về công nghệ thông tin, an toàn thông tin cho đội ngũ CBQL, người lao động để tác nghiệp trên môi trường số, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

Mục tiêu 2: Xây dựng đội ngũ giảng viên, viên chức hành chính và cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức tốt, làm việc chuyên nghiệp và sáng tạo, đáp ứng quá trình thực hiện sứ mạng của Nhà trường.

Giải pháp

2.1. Có kế hoạch tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ giảng viên và cán bộ hành chính, quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

2.2. Hoàn thiện quy chế về công tác cán bộ bao gồm các vấn đề tuyển dụng, đào tạo, quy hoạch, bổ nhiệm,.. công khai, minh bạch và đáp ứng ngày càng cao tiêu chuẩn giảng viên và cán bộ quản lý.

2.3. Hoàn thiện đề án vị trí việc làm, rà soát chức năng nhiệm vụ các đơn vị, xác định số lượng người làm việc và tiêu chuẩn năng lực chung và đặc thù của từng nhóm hoặc từng vị trí việc làm.

2.4. Xây dựng đề án đào tạo bồi dưỡng cán bộ, trong đó có quy hoạch và kế hoạch đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn và dài hạn về lý luận chính trị, ngoại ngữ, tin học, năng lực quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên.

2.5. Đẩy mạnh dân chủ hóa nhà trường, thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên bao gồm chế độ chính sách theo quy định, chế độ khen thưởng, ghi nhận và kế hoạch bồi dưỡng.

2.6. Có chính sách tạo nguồn, thu hút nhân tài để tuyển dụng được những người có trình độ chuyên môn giỏi về Trường công tác.

2.7. Thường xuyên rà soát, bổ sung, cải tiến các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

2.8. Nâng cao năng lực thực hành, ứng dụng công nghệ thông tin của đội ngũ cán bộ, GV và NV, từng bước hình thành và phát triển cộng đồng kỹ thuật số, đáp ứng yêu cầu về nhân lực của mô hình đại học thông minh.

3.4. Lĩnh vực Bảo đảm chất lượng

3.4.1. Mục tiêu tổng quát

+ Mục tiêu 2021-2025:

Nâng cao hiệu quả của hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong; tăng cường kiểm định và xếp hạng quốc tế; xây dựng văn hóa chất lượng dựa trên giá trị cốt lõi của Nhà trường;

+ Mục tiêu đến 2030, tầm nhìn 2045:

Xây dựng lộ trình tham gia bảng xếp hạng đại học uy tín trên thế giới, hướng đến nhóm 500 đại học hàng đầu châu Á và 1000 đại học hàng đầu thế giới; hướng đến sự công nhận CTĐT và hệ thống văn bằng, chứng chỉ với các trường đại học quốc tế;

3.4.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu 1: Phát triển chiến lược đảm bảo chất lượng.

Giải pháp

1.1. Rà soát, cập nhật sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu và giá trị cốt lõi của Nhà trường giai đoạn 2018 - 2025 có tham khảo ý kiến của các bên liên quan (như cán bộ, giảng viên; học sinh, sinh viên, học viên; nhà tuyển dụng và cựu học sinh, sinh viên, học viên).

1.2. Đánh giá việc thực hiện Chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2011 - 2020 và xây dựng Chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh bao gồm cả Chiến lược đảm bảo chất lượng giai đoạn 2018 - 2025 và tăng cường hiệu quả quản trị chiến lược của Nhà trường.

1.3. Tăng cường chỉ đạo việc phát triển, mở rộng các mạng lưới và hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường.

1.4. Tổ chức sơ kết, tổng kết để đánh giá việc thực hiện các mục tiêu chiến lược và kế hoạch đảm bảo chất lượng cấp trường và cấp đơn vị hàng năm.

Mục tiêu 2: Nâng cao hiệu quả của hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong; hình thành và phát triển văn hóa chất lượng trong Nhà trường.

Giải pháp

2.1. Chuyên nghiệp hóa hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong, hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng; xây dựng các kế hoạch bảo đảm chất lượng dài hạn, trung hạn, ngắn hạn và hằng năm phù hợp với tầm nhìn và mục tiêu phát triển của Nhà trường.

2.2. Tiếp tục rà soát, cập nhật Đề án vị trí việc làm của từng đơn vị; rà soát, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị sau khi cập nhật vị trí việc làm của các đơn vị.

2.3. Đẩy mạnh việc áp dụng hệ thống quy trình ISO và công nghệ thông tin vào công tác quản trị tổng thể các hoạt động của Nhà trường.

2.4. Xây dựng nội dung, hình thức và phương pháp bồi dưỡng nâng cao năng lực và chuyên nghiệp hóa cho đội ngũ cán bộ, chuyên viên làm công tác đảm bảo chất lượng.

2.5. Tăng cường hoạt động quản lý, giám sát, kiểm tra của các đơn vị chức năng (Trung tâm Đảm bảo chất lượng, Phòng Thanh tra Giáo dục và Phòng Tổ chức Cán bộ) trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ của các đơn vị.

2.6. Xây dựng và thực hiện các đề án phát triển đảm bảo chất lượng nhằm khai thác các nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước, đầu tư của tổ chức và cá nhân trong nước và quốc tế để thực hiện chiến lược và các kế hoạch đảm bảo chất lượng.

Mục tiêu 3: Tăng cường công tác kiểm định chất lượng và xếp hạng quốc tế

Giải pháp

3.1. Định kỳ tự đánh giá chương trình đào tạo và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo bộ tiêu chuẩn kiểm định của Mạng lưới các trường đại học ASEAN. Đến hết năm 2025 có 15% và đến hết năm 2030 có ít nhất 30% các chương trình đào tạo của Nhà trường được kiểm định chất lượng theo tiêu chuẩn của đánh giá chất lượng chương trình đào tạo quốc gia; 5% các chương trình đào tạo kiểm định theo tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của AUN.

3.2. Rà soát, chuẩn bị các điều kiện của Nhà trường theo Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục ban hành theo Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo để chuẩn bị kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục chu kỳ tiếp theo.

3.3. Đẩy mạnh việc kiểm định chất lượng các CTĐT theo tiêu chuẩn khu vực (AUN-QA) và quốc tế (ABET, FIBAA, IACBE, ASIIN, HCERES...).

3.4. Tăng cường tham gia Bảng xếp hạng đại học gần sao (UPM) của Việt Nam. Lựa chọn và xây dựng lộ trình tham gia các bảng xếp hạng đại học uy tín trên thế giới như QS châu Á, THE, Webometrics, hướng đến nhóm 500 đại học hàng đầu châu Á.

Mục tiêu 4: Tăng cường các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Giải pháp

4.1. Kết nối và thúc đẩy việc bồi dưỡng thường xuyên: bồi dưỡng giáo viên, đào tạo nghiệp vụ, thi cấp chứng chỉ...

4.2. Tiến hành các đề tài, dự án gắn với sản xuất, kinh doanh, quản lý theo nhu cầu xã hội.

4.3. Chú trọng kết quả đào tạo, kết quả nghiên cứu khoa học, kết quả phục vụ cộng đồng, kết quả tài chính và thị trường giáo dục.

Mục tiêu 5: Tăng cường hiệu quả công tác thông tin phản hồi của các bên liên quan.

Giải pháp

5.1. Khảo sát ý kiến các bên liên quan.

5.2. Xử lý thông tin phản hồi, cung cấp cho các đơn vị phục vụ việc cải tiến chất lượng và công tác kiểm định chất lượng.

5.3. Xây dựng hệ thống quản lý thông tin và số hóa các văn bản, tài liệu để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng.

3.5. Lĩnh vực Hợp tác quốc tế

3.5.1. Mục tiêu tổng quát

+ Mục tiêu 2021-2025:

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực, góp phần nâng cao chất lượng Nhà trường theo hướng hiện đại, tiếp cận nền giáo dục đại học tiên tiến trong khu vực và trên thế giới;

+ Mục tiêu đến 2030, tầm nhìn 2045:

Đa dạng hóa hợp tác quốc tế trong các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng nhằm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và nâng cao vị thế của Trường;

3.5.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu 1: Tăng cường phát triển hợp tác quốc tế trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Giải pháp

1.1. Hợp tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, tổ chức và tham gia hội nghị, hội thảo khoa học.

1.2. Thu hút được các học giả trong nước và quốc tế có trình độ cao đến giảng dạy và nghiên cứu tại Trường theo các cơ chế tài chính đặc thù; tăng cường tìm kiếm và thực hiện các chương trình, dự án nghiên cứu hợp tác quốc tế.

1.3. Triển khai các chương trình liên kết đào tạo; chủ trương hoạt động hợp tác quốc tế về đảm bảo chất lượng trong đào tạo với các cơ sở giáo dục đại học trong khu vực và quốc tế, hướng đến sự công nhận CTĐT và hệ thống văn bằng, chứng chỉ của nhau.

1.4. Liên kết thư viện, trao đổi thông tin phục vụ hoạt động đào tạo, khoa học, công nghệ; cung ứng chương trình đào tạo; trao đổi các ấn phẩm, tài liệu và kết quả hoạt động đào tạo, khoa học, công nghệ.

1.5. Tham gia các tổ chức giáo dục, khoa học, hội nghề nghiệp khu vực và quốc tế.

1.6. Triển khai các hoạt động đối ngoại nhân dân.

Mục tiêu 2: Hoàn thiện hệ thống quản lý hoạt động hợp tác quốc tế, đáp ứng yêu cầu hội nhập trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Giải pháp

2.1. Nâng cao năng lực đơn vị chuyên trách quản lý hoạt động hợp tác quốc tế của nhà trường và các cá nhân liên quan ở các đơn vị.

2.2. Hoàn thiện quy định quản lý hoạt động hợp tác quốc tế của trường trên cơ sở các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động hợp tác quốc tế.

2.3. Phối hợp với các cơ quan hữu quan đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong các hoạt động hợp tác quốc tế.

2.4. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hoạt động hợp tác quốc tế.

2.5. Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin về hoạt động hợp tác quốc tế.

2.6. Tổ chức kiểm tra, đánh giá, tổng kết việc thực hiện kế hoạch hợp tác quốc tế.

2.7. Khen thưởng và vinh danh các cán bộ quản lý, giảng viên và người học có kết quả xuất sắc về hợp tác quốc tế.

Mục tiêu 3: Đẩy mạnh thu hút sinh viên quốc tế.

Giải pháp

3.1. Xây dựng và triển khai kế hoạch quảng bá tuyển sinh phù hợp đối tượng người học.

3.2. Tăng số lượng lưu học sinh học tập tại trường.

3.3. Tổ chức hoạt động đào tạo phù hợp đối tượng lưu học sinh.

3.4. Đa dạng hóa các hình thức hỗ trợ lưu học sinh trong học tập và sinh hoạt.

3.5. Xây dựng mạng lưới cựu lưu học sinh.

Mục tiêu 4: Tăng cường các nguồn lực phục vụ hoạt động hợp tác quốc tế.

Giải pháp

4.1. Tổ chức huy động các nguồn tài chính khác nhau cho hoạt động hợp tác quốc tế; quản lý, sử dụng nguồn tài chính theo nguyên tắc công khai, hiệu quả theo các quy định của pháp luật.

4.2. Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình, dự án do các tổ chức nước ngoài tài trợ.

3.6. Lĩnh vực Cơ sở vật chất

3.6.1. Mục tiêu tổng quát

+ Mục tiêu 2021-2025:

Hệ thống cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị đảm bảo khang trang, đồng bộ, hiện đại, từng bước xây dựng khuôn viên thông minh, phù hợp với quy mô và các hình thức đào tạo, nghiên cứu khoa học và mô hình quản trị Nhà trường số;

+ Mục tiêu đến 2030, tầm nhìn 2045:

Tập trung đầu tư vào hệ thống công nghệ thông tin phục vụ giảng dạy và quản trị đại học theo hướng Đại học thông minh; tăng cường đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở vật chất cần thiết (cơ sở hạ tầng, văn phòng làm việc) để trở thành trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo lớn của khu vực Bắc Trung bộ và cả nước;

3.6.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu 1: Cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng tiên tiến, các phòng thí nghiệm, thư viện được trang bị đầy đủ, hiện đại và hạ tầng công nghệ thông tin đạt chuẩn, phù hợp với mô hình quản trị Nhà trường và các hình thức đào tạo, nghiên cứu khoa học.

Giải pháp

1.1. Tiếp tục mở rộng diện tích đất; rà soát quy hoạch tổng thể, điều chỉnh bổ sung quy hoạch chi tiết tại các cơ sở của Nhà trường phù hợp với quy mô đào tạo,

chương trình đào tạo và quy định tại TCVN 3981-1985 - Tiêu chuẩn thiết kế trường đại học.

1.2. Tiếp tục đầu tư, cải tạo nâng hệ thống phòng học, giảng đường, phòng thực hành thí nghiệm, thư viện, ký túc xá đảm bảo các quy định hiện hành về số lượng, diện tích, an toàn về môi trường và khả năng tiếp cận của người học và phù hợp với chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học của từng ngành, lĩnh vực; có không gian học tập chung, không gian nghỉ giải lao và phù hợp.

- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp, mở rộng cơ sở hạ tầng thông tin và phần mềm quản lý đảm bảo thông suốt đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và quản lý trong Nhà trường.

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu điện tử, cập nhật bổ sung nguồn tài liệu, mở rộng liên kết và nâng cao các hoạt động của thư viện đáp ứng nhu cầu của người học.

- Nâng cấp, đầu tư trang thiết bị hiện đại cho các phòng thí nghiệm, thực hành, phòng học phù hợp với chương trình đào tạo, hình thức đào tạo và nghiên cứu khoa học.

- Thường xuyên phối kết hợp với các đơn vị quản lý tại địa phương về vệ sinh môi trường, an toàn phòng cháy chữa cháy, an ninh trật tự để đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho cán bộ viên chức, học sinh, sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh.

- Nghiên cứu thử nghiệm và phát triển các mô hình lớp học thông minh, hệ thống phần mềm và phần cứng thông minh, v.v., hướng đến xây dựng, phát triển khuôn viên thông minh

1.3. Tập trung tăng cường khai thác tối đa các nguồn vốn từ ngân sách, nguồn hỗ trợ từ các dự án và nguồn vốn từ có của Nhà trường để thực hiện công tác giải phóng mặt bằng theo quy hoạch; công tác đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng và trang thiết bị theo kế hoạch.

1.4. Đầu tư đồng bộ và sử dụng hiệu quả hệ thống công nghệ thông tin, đáp ứng yêu cầu của công tác quản trị và các hoạt động dạy- học điện tử, giáo dục thông minh, nghiên cứu thông minh của Nhà trường

1.5. Triển khai mạng xã hội giáo dục có sự kiểm soát và định hướng thống nhất, tạo môi trường số kết nối, chia sẻ giữa cơ quan quản lý giáo dục, nhà trường, giáo viên GV, người học.

1.6. Tăng cường kết hợp công nghệ như Big data, AI, Blockchain, SMAC (mạng xã hội - di động - phân tích dữ liệu lớn - điện toán đám mây)... với cơ sở dữ liệu số nhằm từng bước xây dựng hạ tầng giáo dục số.

Mục tiêu 2: Quy chế phối hợp, quy trình quản lý và kế hoạch đầu tư, nâng cấp, bảo trì bảo dưỡng cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, phần mềm dạy học, quản lý, các tài liệu phục vụ dạy học và nghiên cứu.

Giải pháp

2.1. Xây dựng kế hoạch đầu tư mới, nâng cấp, bảo trì, bảo dưỡng cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị và công cụ dạy học và hướng dẫn thực hành, nghiên cứu.

2.2. Xây dựng kế hoạch bổ sung, cập nhật nguồn học liệu, giáo trình, phần mềm quản lý, phần mềm ứng dụng phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu... đủ về số lượng, đa dạng về lĩnh vực và đảm bảo đồng bộ, hiện đại phù hợp với chương trình đào tạo, hình thức đào tạo và nghiên cứu khoa học.

2.3. Xây dựng hệ thống các quy định, quy trình kiểm tra giám sát, báo cáo định kỳ công tác sử dụng, bảo trì bảo dưỡng và nâng cấp cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, công cụ dạy học.

2.4. Xây dựng quy chế phối hợp với các đơn vị quản lý tại địa phương về vệ sinh môi trường, an toàn phòng cháy chữa cháy, an ninh trật tự... để đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho cán bộ viên chức, học sinh, sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh.

3.7. Lĩnh vực Kế hoạch-Tài chính

3.7.1. Mục tiêu tổng quát

+ Mục tiêu 2021-2025:

Thực hiện quản trị tài chính minh bạch công khai trên nền tảng hoạt động và tài chính lành mạnh

+ Mục tiêu đến 2030, tầm nhìn 2045:

Từng bước tăng cường cơ chế tự chủ tài chính cho các đơn vị; đảm bảo cho các đơn vị có đủ nguồn lực để phát huy tính sáng tạo, chủ động thực hiện chiến lược phát triển chung của Trường

3.7.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu 1: Tăng cường nguồn lực tài chính của Nhà trường bằng việc đa

dạng hoá các nguồn thu, nguồn lực đầu tư; đảm bảo tính kế hoạch, hiệu quả, minh bạch trong điều hành ngân sách.

Giải pháp

1.1. Xây dựng kế hoạch và triển khai việc sử dụng hiệu quả nguồn đầu tư từ ngân sách nhà nước; khai thác tốt các nguồn thu và nâng cao khả năng tự chủ về tài chính, tạo các nguồn tài chính hợp pháp, đáp ứng các hoạt động của trường.

1.2. Hoàn thiện hệ thống văn bản về quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí nhằm chuẩn hóa, công khai hóa, minh bạch và tuân thủ các quy định về lập kế hoạch và quản lý tài chính.

1.3. Đảm bảo sự phân bổ, sử dụng tài chính hợp lý, minh bạch và hiệu quả cho các đơn vị và các hoạt động của Nhà trường. Thực hiện kiểm tra, kiểm toán việc quản lý sử dụng các nguồn lực để đánh giá hiệu quả sử dụng trong hoạt động của Trường.

Mục tiêu 2: Từng bước xây dựng quản trị tài chính thông minh.

2.1. Thiết lập nền tảng hoạt động và tài chính lành mạnh; đảm bảo công bằng trong việc đáp ứng nhu cầu/chính sách tài chính của các bên liên quan

2.2. Xây dựng hệ thống dữ liệu về tài chính, về hiệu quả kinh tế, về thị trường, bảo đảm các điều kiện cần thiết của quản trị tài chính hiệu quả.

Phần IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT KẾT QUẢ

4.1. Tổ chức thực hiện

Các đơn vị trực thuộc có trách nhiệm lập kế hoạch hành động, mô tả các nhiệm vụ và hành động cụ thể, các bước thực hiện, yêu cầu và cam kết về nguồn lực và công tác tổ chức thực hiện phù hợp với kế hoạch chiến lược của Trường.

4.2. Tổ chức giám sát và đánh giá kết quả

Hiệu trưởng Nhà trường phân công các đơn vị giám sát việc thực hiện Kế hoạch chiến lược trên cơ sở chức năng nhiệm vụ của các đơn vị. Hàng năm, Nhà trường tiến hành sơ kết việc thực hiện Kế hoạch chiến lược.